

**+TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST  
Ngày : 22-5-2020  
V/V “Ly hôn giữa bà Ủ và ông Đ,  
nợ chung”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bon.

Bà Võ Thị Kim Sinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ủ. Địa chỉ: ấp T, xã N, thành phố A, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Đ. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Thanh L. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-02-2020 và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị Ủ là nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Huỳnh Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1982 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ thường xuyên chửi bới, đánh đập bà mỗi khi ông Đ có rượu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Huỳnh Văn H, sinh năm: 1983; Huỳnh Minh T, sinh năm: 1985; Huỳnh Thị Thu V, sinh năm: 1987 (các con đã trưởng thành và đã lập gia đình).

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Huỳnh Văn Đ là bị đơn trình bày:* Qua lời trình bày của bà Ứ về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần. Qua thông tin của người thân, ông biết được bà Ứ có người đàn ông khác bên ngoài. Nay bà Ứ yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà Ứ.

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ đại lý thức ăn chăn nuôi của ông Trần Thanh L khoảng 40.000.000 đồng, phần nợ này ông tự trả cho ông, ông không yêu cầu bà Ứ cùng trả số nợ trên.

Tại phiên tòa ông khẳng định ông biết và theo dõi việc bà Ứ có người đàn ông khác bên ngoài, trước yêu cầu ly hôn của bà Ứ thì ông không đồng ý ly hôn.

*Tại đơn xin vắng mặt ngày 06/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh L trình bày:* Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ của ông Đ, bà Ứ trong vụ án này, số nợ trên để bà Ứ và ông Đ tự trả cho ông.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.*

[1] Về tố tụng: Bà Ứ yêu cầu ly hôn với ông Đ được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Ứ và ông Đ chung sống từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Bà Ứ yêu cầu ly hôn với ông Đ, ông Đ không đồng ý ly hôn. Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Ứ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đ. Ông Đ cho rằng bà Ứ sống không chung thủy với ông, ông Đ không đồng ý ly hôn nhưng ông Đ cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình cảm vợ chồng giữa bà Ứ và ông Đ. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà Ứ và ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên cho bà Ứ ly hôn với ông Đ.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có ba con chung đã trưởng thành và có gia đình, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Ứ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ứ ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ.

2. Về án phí: Bà Ứ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà Ứ đã nộp theo biên lai thu số 0000351 ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí